

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2024/DS-ST
Ngày: 06/9/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đào Danh Tuất.
- Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2024/TLST – DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2024/QĐXXST – DS ngày 06 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2024/QĐST – DS ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ trụ sở chính: 266 – 268 đường N, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ Tổng Giám đốc.

Ủy quyền cho: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S1).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: B, N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 2525A/2022/GUQ – PL ngày 12/10/2022 về việc khởi kiện các hồ sơ liên quan đến Thẻ tín dụng và Tín dụng tiêu dùng).

Ông Lê Ngọc T ủy quyền cho: Ông Nguyễn Nhật Kinh K – Nhân viên Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: B, N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 4023/2024/UQ – TGD ngày 03/5/2024)

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: A, tổ I, ấp E, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, do người đại diện theo ủy quyền, trình bày:

Ngày 14/11/2018 ông Nguyễn Quốc H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng. Ông Nguyễn Quốc H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 175.028.012 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Nguyễn Quốc H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn Quốc H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 175.697.317 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Quốc H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Quốc H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/08/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời

điểm này là 22.893.433 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 06/9/2024, ông Nguyễn Quốc H còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm):

- Nợ gốc : 22.893.433 đồng
- Lãi quá hạn : 22.201.706 đồng
- Tổng cộng : 45.095.139 đồng

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 22.893.433 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/ tháng (2.6% x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Quốc H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Nguyễn Quốc H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu:

Buộc ông Nguyễn Quốc H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/9/2024 là 45.095.139 đồng (Bốn mươi lăm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn một trăm ba mươi chín đồng.) trong đó: Nợ gốc : 22.893.433 đồng Lãi quá hạn: 22.201.706 đồng.

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Quốc H nhưng ông H vẫn vắng mặt, không thể hiện quan điểm gì đối với việc khởi kiện của Ngân hàng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H. Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được, để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng S2) khởi kiện ông Nguyễn Quốc H về hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên, nên Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 14/11/2018 thể hiện địa chỉ hộ khẩu của ông Nguyễn Quốc

H: 18/3b, ấp E, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. địa chỉ ở hiện tại: 35/23, đường B, Đ, phường P, quận I, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên theo Công văn số 2069/TATPTĐ ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh thể hiện “*Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1994 không có đăng ký tạm trú và không tục tế cư trú tại địa chỉ 3 đường B, tổ D, khu phố D, phường P, quận I, thành phố Hồ Chí Minh*”. Tại phiếu xác minh số 316/TA – XM ngày 30/7/2024 về việc xác minh nơi cư trú của đương sự của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thể hiện “*Ông Nguyễn Quốc H – SN: 12/9/1994. ĐDCN: 077094002818 hiện nay không có hộ khẩu thường trú tại địa phương (đã bị Công an xã H xóa đăng ký thường trú từ ngày 26/4/2024, lý do xóa do vắng mặt từ 12 tháng trở lên). Ngoài ra, trên hệ thống DLQG về dân cư không thể hiện nơi thường trú, nơi tạm trú và nơi ở hiện nay của ông Nguyễn Quốc H*”

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng ông H vẫn không đến tòa. Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án quy định: “*Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú được ghi trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới thì được xem là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung*”. Vì vậy, trường hợp này được xem là ông H cố tình giấu địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng được xác định tại 18/3b, ấp E, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Quốc H đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về việc tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên: Theo Công văn số 172/CV – VKS ngày 13/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa, vì lý do qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ và cũng không thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện X không tham gia phiên tòa xét xử vụ án nói trên. Căn cứ quy định tại Điều 232 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử khi Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 14/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Quốc H, thể hiện ông H đã mở thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 20.000.000đ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông H đã thực hiện giao dịch số tiền 175.028.012đ. Mục đích vay tiêu dùng cá nhân, hình thức mở thẻ tín dụng không có tài sản đảm bảo. Lãi suất là 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn). Qua đó, hợp đồng đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Quá trình sử dụng thẻ ông H đã rút tiền sử dụng, Từ ngày vay đến nay ông H đã thanh toán tiền gốc, lãi, phí cho Ngân hàng được 175.697.317đ. Sau đó thì không thanh toán theo thỏa thuận, mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông H trả nợ nhiều lần, ngày 23/08/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Vì vậy, ông H đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H trả tổng cộng số nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 06/9/2024 là 45.095.139 đồng (Bốn mươi lăm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn một trăm ba mươi chín đồng.) trong đó: Nợ gốc : 22.893.433 đồng Lãi quá hạn: 22.201.706 đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Xét về yêu cầu trả lãi phát sinh:

Căn cứ theo các văn bản quy định về lãi suất, đối chiếu với các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S2, đối chiếu với các điều khoản của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 14/11/2018 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Quốc H thì lãi suất khoản vay của ông H từ ngày được phát hành thẻ tín dụng được áp dụng mức lãi suất là 2,6%/01 tháng, quá trình sử dụng thẻ có điều chỉnh lãi suất theo đúng quy định của Ngân hàng. Từ ngày 23/8/2022 cho đến nay do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản nợ đã chuyển thành nợ quá hạn và được áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Đối chiếu với bản sao kê, các quyết định về việc lãi suất cho vay qua thẻ tín dụng áp dụng cho khách hàng cá nhân qua từng thời kỳ Ngân hàng S2 cung cấp thì lãi suất được áp dụng là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất của Ngân hàng S2.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên khoản nợ chuyển thành nợ quá hạn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 06/9/2024 là 22.201.706 đồng. Yêu cầu buộc bị đơn thanh toán khoản tiền lãi trên của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Quốc H phải thanh toán trả cho Ngân hàng S2 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 14/11/2018 tạm tính đến hết ngày 06/9/2024 là 45.095.139 đồng (Bốn mươi lăm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn một trăm ba mươi chín đồng.) trong đó: Nợ gốc: 22.893.433 đồng Lãi quá hạn: 22.201.706 đồng). Ông Nguyễn Quốc H còn phải tiếp tục chịu toàn bộ tiền

lãi, phí phát sinh sau ngày 06/9/2024 cho đến khi ông Nguyễn Quốc H hoàn tất nghĩa vụ thanh toán theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/11/2018 đã ký với Ngân hàng S2 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn:

$$45.095.139 \text{ đồng} \times 5\% = 2.255.000\text{đ.}$$

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Quốc H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc ông Nguyễn Quốc H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 06/9/2024 là 45.095.139đ (Bốn mươi lăm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn một trăm ba mươi chín đồng.) trong đó: Nợ gốc : 22.893.433 đồng Lãi quá hạn: 22.201.706 đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (07/9/2024) cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Quốc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ còn phải thi hành, theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 2.255.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 813.400đ theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001805 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo